

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 9 - 2018.

*V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hứa Thị Mỹ Sum.

2. Bà Bùi Thị Thanh Yên.

Thư ký phiên Tòa: ông Quảng Đại Phát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: ông Phạm Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Mỹ N - sinh năm 1995;

Trú tại: Thôn D, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có mặt*).

2/ Bị đơn: anh Lê Văn L - sinh năm 1993;

Trú tại: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/5/2018, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày: Chị và anh Lê Văn L tự nguyện chung sống từ năm 2013, sau đó có đến Ủy ban nhân dân xã P (*viết tắt: UBND xã P*) đăng ký kết hôn số 15/2017 ngày 03/3/2017.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì anh L thay đổi tính cách, hay chửi, đánh đập con trong đêm mục đích dẫn dắt vợ; làm cho chị và con không thể ngủ, gây ảnh hưởng trầm trọng đến sức khỏe. Chị có góp ý khuyên giải thì anh L bực tức đánh chị, đánh con. Đến cuối năm 2017, khi chị đi làm thuê, anh L quan hệ với người phụ nữ khác rồi công khai, thách thức chị. Chị thấy bị xúc phạm nên đầu năm 2018 vợ chồng tự sống ly thân, không quan tâm nhau cho đến nay. Bản thân chị nhận thấy vợ chồng chưa tìm hiểu kỹ nên khi chung sống không đồng nhất quan điểm dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Chị khẳng định không còn tình cảm với anh L, vợ chồng không có khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống hạnh phúc nên yêu cầu Tòa

giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Quỳnh T - sinh ngày 24/10/2014, hiện do chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 18/6/2018, bị đơn – anh Lê Văn L trình bày: Anh đã nhận Thông báo thụ lý vụ án và biết chị N khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết nuôi con. Anh xác nhận vợ chồng chung sống từ năm 2013 là do tự nguyện tìm hiểu, đến năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì có cãi vã; anh hay đi nhậu và ít quan tâm vợ con nên chị N quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương vợ. Hơn nữa, vợ chồng có con nhỏ là cháu Lê Thị Quỳnh T - sinh ngày 24/10/2014, đang cần sự chăm sóc của cha mẹ. Trường hợp Tòa giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị N tiếp tục nuôi và không đồng ý cấp dưỡng. Tuy nhiên, anh không đến Tòa khi Tòa án có triệu tập, anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Thủ tục tố tụng:*

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Chị Nguyễn Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Lê Văn L đang trú ở thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận và yêu cầu giải quyết được nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt: BLTTDS), xác định yêu cầu khởi kiện của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Căn cứ điều 195 BLTTDS, Tòa án tiến hành thụ lý và xác định quan hệ pháp luật của vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- *Sự vắng mặt của bị đơn:* Anh Lê Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2]. *Nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh L xác nhận đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, đến năm 2017 có đi đăng ký kết hôn. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số: 15 ngày 03/3/2017 của UBND xã P, Hội đồng xét xử khẳng định hôn nhân giữa chị N và anh L là hôn nhân hợp pháp.

- *Tình trạng hôn nhân:* Anh L xác nhận có đi nhậu ít quan tâm đến vợ con nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Anh L không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không đáng kể nhưng không đến Tòa để hành hòa giải; không cung cấp các tài liệu chứng minh ý kiến phản bác theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 91 BLTTDS. Do đó, Tòa án căn cứ các chứng cứ đã có trong hồ sơ như: Lời khai của chị N, Biên bản làm việc với xã P ngày 18/6/2018 và lời khai của anh L, thể hiện: Quá trình chị N và anh L chung sống, anh L hay đi nhậu, ít quan tâm vợ con nên thường xảy ra cãi vã, đánh đập. Trong tình cảm vợ chồng, chị N và anh L có sự nghi ngờ, không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng tự sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nay chị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

- *Về con chung*: Căn cứ lời trình bày của chị N, anh L và bản sao Giấy khai sinh số 144/TLKS-BS ngày 03/3/2017 khẳng định: Vợ chồng chị N, anh L có 01 người con chung là Lê Thị Quỳnh T - sinh ngày 24/10/2014, hiện do chị N nuôi dưỡng. Tại biên bản làm việc với Tòa án ngày 18/6/2018, anh L thống nhất giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N.

Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không xem xét.

Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. *Án phí*: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14: Chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. *Ý kiến của kiểm sát viên*: Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh L; được quyền nuôi 01 con chung và chịu toàn bộ án phí theo quy định tại điều 147 BLTTDS. Xét thấy đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Lê Văn L.

2. *Về nuôi con chung*: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị Mỹ N, giao 01 con chung tên Lê Thị Quỳnh T - sinh ngày 24/10/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ số tiền **tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0011145 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.**

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thức

